

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình 135 năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Đặc điểm về Chương trình 135 của tỉnh

a) Bình Thuận là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 7.943,93 km², bao gồm 10 huyện, thị xã, thành phố, với 127 xã, phường, thị trấn; tổng dân số 289.685 hộ/1.271.136 khẩu, trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số có 22.357 hộ/101.707 khẩu, chiếm 8 % dân số toàn tỉnh. Có 9 xã khu vực III, 27 xã khu vực II, 44 xã khu vực I, 05 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Tính đến thời điểm đầu năm 2018, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh có 3.061 hộ/12.109 khẩu thuộc diện hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 13,38 % và có 2.864 hộ/12.387 khẩu thuộc diện hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 12,52 %. Đến 31 tháng 12 năm 2018, toàn tỉnh còn 2.327 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 10,04 % và 3.177 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 13,71% so với tổng số hộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Kết quả giảm nghèo trong năm là 734 hộ, tương ứng giảm 3,34%/năm.

b) Giai đoạn 2017-2020 tỉnh Bình Thuận được Trung ương tiếp tục hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 tại Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc, bao gồm 9 xã và 20 thôn. Tổng dân số dân tộc thiểu số toàn vùng thụ hưởng Chương trình 135 có 8.975 hộ/37.617 khẩu. Hộ nghèo vùng thụ hưởng Chương trình 135 đầu năm 2018 (theo chuẩn nghèo áp dụng giai đoạn 2016-2020) có 2.172 hộ/8.478 khẩu, chiếm tỷ lệ 24,2 %, hộ cận nghèo 1.987 hộ/8.618 khẩu, chiếm tỷ lệ 22,14 %. Đến 31 tháng 12 năm 2018, hộ nghèo vùng thụ hưởng Chương trình 135 của tỉnh còn 1.657 hộ/6.294 khẩu, chiếm tỷ lệ 19,04 % và hộ cận nghèo có 2.164 hộ/9.013 khẩu, chiếm tỷ lệ 24,86 % so với tổng số hộ vùng đồng bào DTTS. Kết quả giảm nghèo trong năm là 515 hộ, tương ứng giảm 5,16 %/năm.

c) Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai Chương trình:

- Thuận lợi:

+ Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở các thôn, xã đặc biệt khó khăn được các cấp, các ngành quan tâm. Kết quả thực

hiện đầu tư đã cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân các thôn, xã đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh, góp phần tăng thêm cơ sở vật chất thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng, những khó khăn bức xúc của đồng bào được giải quyết từng bước, từ đó góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tình hình kinh tế, đời sống văn hóa xã hội vùng đồng bào có nhiều chuyển biến, mức sống được nâng lên.

+ Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được nhân dân và cán bộ địa phương hưởng lợi đồng tình ủng hộ, việc tổ chức các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, tập huấn kỹ thuật, giúp đồng bào có thêm kiến thức ứng dụng vào phát triển trồng trọt, chăn nuôi, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

- Khó khăn:

+ Việc huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển tuy có chuyển biến tiến bộ nhưng vẫn còn hạn chế nhất định, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ, tình hình thời tiết diễn biến bất thường đã tác động bất lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và vùng dân tộc thiểu số nói riêng;

+ Nguồn lực đầu tư so với nhu cầu của các địa phương thụ hưởng Chương trình chưa đáp ứng yêu cầu, nguồn vốn Trung ương phân bổ hàng năm còn thấp so với thực tế nên đã gặp một số khó khăn nhất định trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

2. Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện

a) Việc thành lập và hoạt động của bộ máy chỉ đạo điều hành:

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Thông tư số 01/2017/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Công văn số 190/UBDT-VP135 ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban Dân tộc về việc triển khai thực hiện Chương trình 135 năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện cụ thể như sau:

- Ban hành các văn bản về quy định, hướng dẫn thực hiện: Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc phân khai kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018, Công văn số 1301/UBND-KT ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc triển khai thực hiện Chương trình 135 năm 2018, Kế hoạch số 2666/KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 về triển khai tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và

cán bộ cơ sở thuộc Chương trình 135 năm 2018, Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc phê duyệt dự toán kinh phí triển khai kế hoạch nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 năm 2018, Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã, thôn đặc biệt khó khăn dự án 2 (Chương trình 135).

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020, Kế hoạch số 2090/KH-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phân cấp quản lý thực hiện: Thực hiện theo điểm b, khoản 6, Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Tình hình phân cấp xã làm chủ đầu tư: Để thực hiện quy chế dân chủ và nâng cao trách nhiệm của cơ sở, đến nay hầu hết các huyện đã giao cho Ủy ban nhân dân các xã thụ hưởng chương trình làm chủ đầu tư thực hiện chức năng quản lý điều hành dự án, đối với tất cả các hợp phần thuộc Chương trình 135 (trừ xã Phan Dũng huyện Tuy phong, do trình độ cán bộ xã chưa đáp ứng yêu cầu nên Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp làm chủ đầu tư dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và ủy quyền cho Ban Quản lý dự án huyện quản lý).

- Thực hiện nguyên tắc phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh, Công văn số 796/UBND-KGVX ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Thực hiện nguyên tắc dân chủ công khai và sự tham gia của cộng đồng, hiệu quả hoạt động của ban giám sát xã:

+ Việc triển khai chọn danh mục công trình đầu tư được thống nhất từ cơ sở và thông qua Ban điều hành thôn, thực hiện theo nguyên tắc dân chủ, công khai và có sự tham gia của người dân. Quá trình thực hiện chú trọng phát huy hiệu quả giám sát của ban giám sát cộng đồng.

+ Ủy ban nhân dân các huyện đã thành lập Ban điều hành và chỉ đạo các xã thụ hưởng thành lập ban quản lý và ban giám sát, có phân công, phân cấp điều hành hoạt động của từng dự án, trong thực hiện có sự phối hợp giữa các ngành, các cấp, có chú trọng công tác kiểm tra, giám sát.

+ Việc thực hiện dự án có sự tham gia tích cực của nhân dân trong khâu giám sát các công trình. Các Ban giám sát xã đã phát huy vai trò trong việc kiểm tra giám sát về tiến độ, chất lượng thi công của các công trình.

Nhìn chung, suốt quá trình từ khâu lập quy hoạch, bố trí kế hoạch hàng năm, tổ chức thi công, giám sát, quá trình thi công và nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng đều thực hiện dân chủ công khai. Đặc biệt, chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong công tác quản lý, sử dụng và duy tu bảo dưỡng công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

b) Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện:

- Công tác tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình 135 được Hội đồng nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành của tỉnh và huyện quan tâm chỉ đạo, thông qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời uốn nắn những hạn chế thiếu sót trong thực hiện chương trình, việc tổ chức thực hiện Chương trình 135 đã giúp cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp cơ sở nâng cao thêm về trình độ trong công tác quản lý nhà nước về các mặt, từng bước đáp ứng yêu cầu tình hình và nhiệm vụ mới.

- Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 634/UBND – KT ngày 13 tháng 02 năm 2018 về việc triển khai thực hiện các kiến nghị sau giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo số 245/BDT-KHTH ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng tham mưu nghiên cứu, tiếp thu các đề xuất, kiến nghị trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

II. ĐÁNH GIÁ TIỀN ĐỘ, CHẤT LƯỢNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH 135

1. Tiểu dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

a) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Tổng kinh phí được giao: 12.664 triệu đồng;

- Phân bổ triển khai thực hiện 47 công trình cụ thể như sau: giao thông 29 công trình, cầu 01 công trình, thủy lợi 06 công trình, điện 01 công trình, nước sinh hoạt 01 công trình, y tế 01 công trình, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng 01 công trình và trường học 07 công trình;

- Số công trình do xã làm chủ đầu tư: 46/47 công trình;

- Khối lượng thực hiện: 13.079 triệu đồng (đạt 103,3% so với kế hoạch);

- Kết quả giải ngân: 10.413 triệu đồng (đạt 82,2% so với kế hoạch).

b) Duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng:

- Tổng kinh phí được giao: 654 triệu đồng;

- Phân bổ triển khai thực hiện 11 công trình cụ thể như sau: giao thông 03 công trình, thủy lợi 02 công trình, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng 03 công trình và Trường học 03 công trình;

- Số công trình do xã làm chủ đầu tư: 11 công trình;

- Khối lượng thực hiện: 570 triệu đồng (đạt 87,2% so với kế hoạch);

- Kết quả giải ngân: 619 triệu đồng (đạt 94,7% so với kế hoạch).

c) Đánh giá tình hình thực hiện tiểu dự án:

Tập trung ưu tiên thanh toán nợ các công trình hoàn thành, đối với công trình khởi công mới ưu tiên bố trí vốn đầu tư công trình giao thông nông thôn, đường vào khu sản xuất và các công trình bức xúc cần đầu tư tại thôn, xã đảm bảo việc đầu tư đúng địa bàn, đúng nội dung theo quy định.

Nhìn chung công tác triển khai thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở các thôn, xã đặc biệt khó khăn được các cấp, các ngành quan tâm, kết quả đầu tư đã cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân các thôn, xã đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh, công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư đã được quan tâm hơn, có sự phân công, phân cấp cụ thể cho từng cấp, từng ngành nhằm phát huy hiệu quả sử dụng công trình sau đầu tư một cách bền vững. Đến nay, đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 28 công trình (trong đó, 14 công trình chuyển tiếp và 14 công trình khởi công mới trong năm 2018), hoàn thành việc duy tu bảo dưỡng 9 công trình.

2. Tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế:

- Tổng kinh phí được giao: 2.378 triệu đồng;

- Số hộ hưởng lợi: 150 hộ;

- Đã triển khai hỗ trợ giống bò sinh sản 88 con, trâu 04 con, heo 07 con/93 hộ, hỗ trợ giống 01 mô hình trồng cây bắp lai/540 kg giống bắp, 02 mô hình trồng cây đậu đen xanh lòng/1.080 kg giống đậu đen, 37.698 kg phân bón các loại, 519 chai và 2001 gói thuốc bảo vệ thực vật các loại cho 57 hộ nghèo và cận nghèo các thôn, xã đặc biệt khó khăn.

- Kết quả thực hiện đạt 77,4% so với kế hoạch giao.

b) Nhân rộng mô hình giảm nghèo:

- Tổng kinh phí được giao: 595 triệu đồng;

- Đã tổ chức thực hiện 02 mô hình hỗ trợ nuôi trâu, bò sinh sản 38 con/38 hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Phan Lâm huyện Bắc Bình và xã Đức Bình, huyện Tánh Linh (19 hộ/19 con/01 mô hình);

- Kết quả thực hiện đạt 100% so với kế hoạch giao.

c) Đánh giá tình hình thực hiện tiêu dự án:

Để triển khai thực hiện có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, Ủy ban nhân dân các huyện đã chủ động chỉ đạo các xã, thôn tổ chức triển khai họp dân, thông báo nội dung, đối tượng thụ hưởng, mức vốn hỗ trợ cho xã, thôn của Chương trình 135, lấy ý kiến về nội dung hỗ trợ phù hợp với tình hình của địa phương và quy hoạch phát triển xây dựng nông thôn mới, định hướng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và nhu cầu của người dân, các địa phương lựa chọn nội dung phù hợp, thiết thực gắn với thị trường, có tính bền vững về thu nhập và an ninh lương thực để thực hiện xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

3. Tiểu dự án nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở

- Kế hoạch được giao: 690 triệu đồng.

- Đã tổ chức triển khai 04 lớp/156 học viên nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 năm 2018 và 24 lớp/1.135 người tham dự về phổ biến các chủ trương của đảng, các chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc giai đoạn 2016-2020 tại các xã thuộc Chương trình 135, kết quả thực hiện đạt 100% kế hoạch giao.

Dự án đã đáp ứng mục tiêu đào tạo cho cán bộ thôn, xã nâng cao năng lực lãnh đạo và điều hành, nâng cao kiến thức quản lý chuyên môn nghiệp vụ để vận dụng phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình địa phương, thực hiện công tác đấu thầu, tham gia có hiệu quả vào việc giám sát quá trình thực hiện chương trình trên địa bàn thôn, xã.

4. Đánh giá về kết quả lồng ghép, huy động nguồn lực nhằm thực hiện đồng bộ các nội dung của Chương trình 135

Trong quá trình triển khai thực hiện Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương ưu tiên bố trí các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, kênh mương thủy lợi, hệ thống nước sinh hoạt tập trung ..., gắn với xây dựng nông thôn mới. Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan, chủ động đề xuất bố trí nguồn vốn hợp lý để lồng ghép đầu tư vùng đặc biệt khó khăn, đồng thời, việc bố trí vốn cho các dự án

đầu tư phải gắn với việc giao mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của chương trình, đặc biệt ưu tiên tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Đánh giá tác động của Chương trình 135

- Tình hình dân sinh, kinh tế - xã hội ở các xã miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã nghèo có bước chuyển biến đáng kể. Hệ thống chính trị ở cơ sở tiếp tục được kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn căn bản được giữ vững. Khối đại đoàn kết các dân tộc tiếp tục được tăng cường, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước tiếp tục được củng cố và phát huy;

- Đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo tiếp tục được cải thiện; thông qua việc thực hiện chính sách nhiều hộ nghèo đã nỗ lực vươn lên thoát nghèo bền vững, tinh thần tương thân, tương ái, tương trợ lẫn nhau trong các tầng lớp nhân dân được nâng lên;

- Thông qua việc lồng ghép thực hiện nhiều chương trình, dự án, hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là về giao thông, thủy lợi ... tại các xã nghèo tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân, góp phần thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

Những kết quả đạt được nêu trên đã góp phần quan trọng, thúc đẩy vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển nhanh hơn trong thời gian tới, khối đại đoàn kết giữa các dân tộc trong tỉnh được tăng cường, niềm tin của đồng bào đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước tiếp tục được nâng lên.

6. Khó khăn, vướng mắc

a) Khó khăn, vướng mắc nguyên nhân:

- Trong điều kiện ngân sách khó khăn, việc huy động lồng ghép các nguồn vốn cho đầu tư phát triển tuy có chuyển biến tiến bộ nhưng hiệu quả đạt được trên từng mặt cụ thể chưa vững chắc, vẫn còn hạn chế nhất định. Trình độ sản xuất nông nghiệp nhìn chung còn thấp, chất lượng và sức cạnh tranh các sản phẩm, đặc biệt là hàng hóa nông sản còn yếu, hệ thống kết cấu hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ, một số nơi phát huy chưa tốt, sử dụng còn lãng phí, đồng bào chưa hưởng lợi nhiều.

- Tình hình thiên tai và biến đổi khí hậu diễn biến bất thường đã tác động bất lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và vùng dân tộc thiểu số nói riêng.

- Đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn, kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, một số nơi tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là các

xã vùng cao. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhìn chung còn hạn chế.

- Nguồn lực đầu tư của Chương trình được phân bổ còn thấp so với nhu cầu của các địa phương thụ hưởng.

b) Nguyên nhân:

- Do các chương trình, dự án có những quy định riêng, cơ chế quản lý, lồng ghép các nguồn lực còn thiếu đồng bộ, vì vậy chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của chương trình, dự án.

- Phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số trình độ dân trí còn thấp, khả năng tiếp cận và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tế còn hạn chế, tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước chậm khắc phục.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Dân tộc:

1. Đơn đốc Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, phân khai nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017 còn lại chưa giao (5.000 triệu đồng) để tỉnh Bình Thuận thực hiện đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh trong năm 2019 (theo Công văn số 4673/UBND –KT ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ nâng định mức đầu tư các dự án thành phần của Chương trình lên gấp 02 lần so với mức hiện tại.

3. Đối với các thôn, xã không thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020:

Kể từ năm 2017 trở đi không được bố trí vốn thực hiện Chương trình nhưng thực tế các xã, thôn này vẫn còn nhiều khó khăn tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn rất cao như (xã Phan Điền 38,13%, xã Hàm Càn 35,12%, xã Gia Huynh 31,68 %) sản xuất nông nghiệp chưa thuận lợi, phụ thuộc vào thiên nhiên, sản xuất độc canh, cùng với biến đổi khí hậu ảnh hưởng thu nhập, đời sống của đồng bào, phát triển bền vững dẫn đến khả năng tái nghèo cao. Để giảm nghèo bền vững vùng dân tộc thiểu số, tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã vùng đặc biệt khó khăn, góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững an ninh chính trị, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Do đó, đề nghị xem xét cơ chế chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn không còn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ nguồn vốn 2.000 triệu đồng để thanh toán nợ các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đối với các thôn, xã không còn thụ hưởng Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

b) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất và hỗ trợ duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở bằng 02 lần so với mức hiện tại.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận báo cáo Ủy ban Dân tộc tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng Đại diện UBĐT tại TPHCM;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Lê Tuấn Phong;
- Ban Dân tộc;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT, KT.Thường.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tuấn Phong

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 20 /BC-UBND ngày 29 /01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên loại công trình	Số lượng công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (triệu đồng)				Tình hình thực hiện			Số công trình hoàn thành
				Vốn NSTU (CT 135)	Vốn NSDP	Vốn Dân đóng góp	Vốn lồng ghép, vốn khác	Kế hoạch giao	Khối lượng hoàn thành	Vốn giải ngân	
	Tổng cộng		52.867,4	51.417,4	-	-	1.450	13.318	13.648,9	11.031,9	37
I	Công trình khởi công mới	22	17.722,9	16.772,9	-	-	950	5.902	9.879,9	5.365	14
1	Công trình giao thông	15	12.636,9	11.686,9			950	5.169,2	8.951,9	4.609,2	10
2	Công trình thủy lợi	3	156	156				230,8	155	230,8	1
3	Công trình y tế	1	284	284				100	284	123	1
4	Công trình giáo dục	3	4.646	4.646				402	489	402	2
III	Công trình chuyển tiếp và thanh toán nợ	25	34.055,5	33.555,5	-	-	500	6.762	3.199	5.047,9	14
1	Công trình giao thông	14	23.071,7	22.571,7			500	3.887	3.199	3.546	10
2	Cầu	1	2.348	2.348				183		183	1

3	Công trình thủy lợi	3	2.711,8	2.711,8				679		529	2
4	Công trình nước sinh hoạt	1	3.100	3.100				1.004			
5	Công trình điện	1	450	450				200			
6	Công trình giáo dục	4	1.983	1.983				744		744	1
7	Công trình nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng	1	391	391				65		45,9	
IV	Duy tu bảo dưỡng công trình	11	1.089	1.089	-	-	-	654	570	619	9
1	Công trình giao thông	3	106	106				106	106	106	3
2	Công trình thủy lợi	2	211	211				112	211	105	2
3	Công trình nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng	3	88	88				88	88	88	3
4	Công trình trường học	3	684	684				348	165	320	1

Phụ lục 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH 135

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 20 /BC-UBND ngày 29 /01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Khối lượng		Số hộ hưởng lợi	Vốn (Triệu đồng)				Vốn giải ngân (CT 135)	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		Tổng vốn	NSTW (CT 135)	NSDP	Dân góp, vốn khác		
	TỔNG CỘNG				188	2.436,5	2.436,5	-	-	2.436,5	
I	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư				150	1.841,5	1.841,5	-	-	1.841,5	
1	Hỗ trợ giống cây trồng		1.620	1.620	57	150,1	150,1	-	-	150,1	
	- Cây lương thực (giống bắp)	kg	540	540	30	63,7	63,7	-	-	63,7	
	- Cây trồng khác (giống cây đậu đen xanh lòng)	kg	1.080	1.080	27	86,4	86,4	-	-	86,4	
2	Hỗ trợ giống vật nuôi				93	1.286,5	1.286,5	-	-	1.286,5	
	- Tiểu gia súc										
	+ Dê	con									
	+ Heo	con	7	7	1						
	- Đại gia súc										
	+ Trâu	con	4	4	4						
	+ Bò cái sinh sản	con	88	88	88						

	+ Bò đực giống	con									
3	Hỗ trợ vật tư chủ yếu					404,9	404,9	-	-	404,9	
	- Phân bón	kg	37.698	37.698							
	- Thuốc BVTV	liều	720	720							
II	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	-	38	38	38	595	595	-	-	595	
	- 03 mô hình nuôi bò	con	38	38	38	595	595			595	

Phụ lục 3

TỔNG HỢP THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 135

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 20 /BC-UBND

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Các chỉ số	Năm 2018
I	Chỉ tiêu chung	
1	Tổng số hộ (hộ)	
	Số hộ là người dân tộc thiểu số (hộ)	8.975
2	Tỷ lệ hộ nghèo (%), trong đó	
	Tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số (%)	24,20
3	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm)	13
4	Tỷ lệ lao động được đào tạo (%)	19,70
5	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)	88,50
6	Tỷ lệ hộ có sử dụng điện (%)	98
II	Chỉ tiêu cấp thôn	
1	Tổng số thôn thực hiện CT135 (thôn)	20
2	Tỷ lệ thôn có đường cho xe cơ giới (%)	100
3	Tỷ lệ thôn có đường giao thông đạt chuẩn (%)	
4	Tỷ lệ thôn, bản có điện lưới quốc gia (%)	100
III	Chỉ tiêu cấp xã	
1	Tổng số xã thực hiện CT135 (xã)	9
2	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã (%)	100
3	Tỷ lệ xã có đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT (%)	100
4	Xã có trạm y tế (xã)	10
5	Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn (%)	
7	Tỷ lệ xã có hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh (%)	70
8	Tỷ lệ xã có trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia (%)	13
9	Số xã làm chủ đầu tư các công trình hạ tầng	8
10	Số xã làm chủ đầu tư dự án phát triển sản xuất	9
11	Số xã thành lập ban giám sát cộng đồng	9
12	Số xã thành lập tổ tự quản các công trình hạ tầng	
13	Số xã có nhóm thợ cộng đồng triển khai nội dung xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình	